

Số: 268/2017/DS-ST

Ngày: 22-8-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Tố Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng

2. Bà Nguyễn Thị Kim Dung

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2017/QĐST-DS ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ: Tầng x Tòa nhà, số M đường Đ, Phường Y, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Mỹ H- Nhân viên (theo văn bản ủy quyền số 1083/UQTA-QTRR.17, ngày 13/3/2017 của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V), (bà H yêu cầu xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Trọng N.

Địa chỉ: X lô Y, chung cư N, Phường N, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2016 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Ngày 10/10/2015 Ông Nguyễn Trọng N ký Hợp đồng tín dụng số 20151010-500000-1347 với Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V để vay số tiền 26.127.481 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 3.75%/ tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.394.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 18 tháng, trong 17 tháng đầu ông N sẽ trả mỗi tháng là 2.023.000 đồng, tháng cuối cùng ông N trả 2.003.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 16/11/2015.

Thực hiện hợp đồng ông N đã nhận đủ số tiền 26.127.481 đồng và đã thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền của bốn kỳ là 9.292.000 đồng. Kể từ ngày 04/3/2016 đến nay, ông N không thanh toán khoản nào khác mặt dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay Bà Phan Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Ông Nguyễn Trọng N phải thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày đáo hạn hợp đồng 16/4/2017 là: 26.059.524 đồng (17.007.000 đồng + 9.052.524 đồng). Yêu cầu ông N thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Ông Nguyễn Trọng N vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ theo đúng quy của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Nguyễn Trọng N thanh toán số tiền nợ gốc là 20. 513.958 đồng, nợ lãi sẽ do Hội đồng xét xử quyết định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu bị đơn Ông Nguyễn Trọng N trả số tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”. Do bị đơn Ông Nguyễn Trọng N cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét, bị đơn Ông Nguyễn Trọng N đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Ông Nguyễn Trọng N.

Bà Phan Thị Mỹ H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại các phiên tòa do bận công tác nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20151010-500000-1347 ngày 10/10/2015 của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V thì Ông Nguyễn Trọng N vay số tiền 26.127.481 đồng, thời hạn vay 18 tháng, lãi suất 3.75%/tháng, mục đích tiêu dùng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông N có trách nhiệm thanh toán số tiền 36.394.000 đồng (gồm tiền gốc và lãi), trả chậm trong 18 kỳ, trong 17 kỳ đầu ông N sẽ trả mỗi kỳ là 2.023.000 đồng, kỳ cuối cùng ông N trả 2.003.000 đồng. Thực hiện thanh toán kỳ đầu từ ngày 16/11/2015.

Xét, theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nói trên thì ông N vay tiền của ngân hàng trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận, trong quá trình vay ông N đã nhận đủ số tiền 26.127.481 đồng. Theo thỏa thuận lãi suất là 3.75%/tháng, ông N phải trả mỗi kỳ là 2.023.000 đồng, trả đều trong 17 kỳ, kỳ cuối trả 2.003.000 đồng. Vậy khi đáo hạn hợp đồng, tổng số tiền ông N phải trả cho nguyên đơn là 36.394.000 đồng. Ông N đã trả được 4 kỳ là 9.292.000 đồng, còn nợ lại 27.102.000 đồng.

Tính đến ngày khởi kiện 06/11/2016, ông N phải trả số tiền gốc và tiền lãi của 13 kỳ x 2.023.000 đồng là 26.299.000 đồng, nhưng ông N đã trả được 9.292.000 đồng ( $26.299.000 - 9.292.000 = 17.007.000$  đồng), như vậy ông N còn phải trả số tiền 17.007.000 đồng. Từ kỳ thứ 14 cho đến khi đáo hạn hợp đồng, nguyên đơn không tính lãi chỉ yêu cầu ông N thanh toán số tiền gốc của 5 kỳ cuối từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017 là 9.052.524 đồng. Tổng số tiền ông N còn phải trả cho Ngân hàng là 26.059.524 đồng ( $17.007.000$  đồng +  $9.052.524$  đồng).

Như vậy nguyên đơn yêu cầu ông N phải trả số tiền gốc và tiền lãi của 13 kỳ đầu và chỉ tính số tiền gốc mà ông N còn nợ 5 kỳ cuối kể từ ngày khởi kiện cho đến ngày đáo hạn hợp đồng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông N phải trả cho Ngân hàng số tiền 26.059.524 đồng.

[4] Xét yêu cầu tính lãi và phí đối với bị đơn:

Căn cứ Theo hợp đồng, thỏa thuận giữa ông N và nguyên đơn thì lãi vay là 3.75%/tháng tương đương 45%/năm, là cao hơn so với quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Nhưng do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, và 5 tháng cuối từ tháng 12/2016 đến tháng 4/2017 đáo hạn hợp đồng thì nguyên đơn không tính lãi đối với khoản vay của ông Nhân. Mặt khác theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong các hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Như vậy theo hợp đồng tín dụng nói trên, ông N đồng ý thỏa thuận và ký hợp đồng với nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V nghĩa là ông N mặc nhiên đồng ý chịu khoản lãi 3.75%/tháng được quy định trong hợp đồng và chịu các nghĩa vụ thanh toán khác.

[5] Về thời hạn thanh toán:

Do Ông Nguyễn Trọng N vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định mục 7.1 Điều 7 Hợp đồng tín dụng, nên nguyên đơn yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại mục 6.2 Điều 6 Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã thỏa thuận ký kết, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại tiền tạm án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 465, 466 và khoản 1 Điều 468, của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Ông Nguyễn Trọng N có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền là 26.059.524 đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm là 1.302.976 đồng, Ông Nguyễn Trọng N phải chịu.

Trả lại cho nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 651.488 đồng, theo biên lai thu tiền số 0000934 ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Tố Nhân**